

Name:
 Date: .../.../ 20...
 Class: S4
 Tel: 034 200 9294



Gram & Vocab:
 Writing:
 Mini Test:

MY DREAM DESTINATION

- ❖ **Lưu ý:** Các từ vựng mở rộng thầy cô cho ghi trong vở (nếu có) và các từ vựng mở rộng trong phiếu để có chủ thích nghĩa: con về nhà chép mỗi từ **1** dòng để ghi nhớ nhé.

A. VOCABULARY

No.	Words	Meaning	No.	Words	Meaning
1	destination (n)	điểm đến	7	London (n)	Luân Đôn (Thủ đô Anh quốc)
2	Beijing (n)	Bắc Kinh (Thủ đô Trung Quốc)	8	Dubai (n)	Thủ đô Dubai
3	Tokyo (n)	Thủ đô Nhật Bản	9	Bangkok (n)	Thủ đô Thái Lan
4	Paris (n)	Thủ đô Pháp	10	bucket list (n)	danh sách những việc muốn làm trước khi chết
5	New York (n)	Thành phố New York (Mỹ)	11	culture (n)	văn hóa
6	tradition (n)	truyền thống			

- ❖ **Note:** n = noun: danh từ

- ❖ Con học thuộc nghĩa của từ, chính phát âm theo từ điển và chép mỗi từ **1** dòng vào vở ghi.

B. WRITING.

Topic: What's your dream destination? (Write 50-60 words)

- Where do you want to go?
- Why do you want to go there?
- What will you do there?

I. Choose the correct option

0. While I _____ for my final exam, my brother called me.

A. was studying

B. studied

C. were studying

1. The cat _____ is sleeping on the couch is mine.

A. who

B. that

C. A & B are correct

2. The friend _____ came to my party brought a gift.

A. that

B. who

C. A & B are correct

3. The tree _____ stands in the garden is tall.

A. which

B. who

C. A & B are correct

4. I promise that I _____ be late again.

A. will

B. won't

C. have to

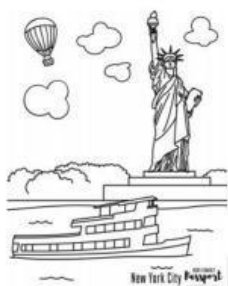
5. I _____ finish this project today. We have to hand it in tomorrow.

A. mustn't

B. won't

C. have to

II. Look and write.



0. New York



1. P _____



2. T _____



3. L _____



4. D _____



5. B _____

III. Circle the correct answer.

0. The weather is hot and (humid / tale / coast).

1. They've bought a(n) (enormous / giggle / pier) house in the country.

2. They went on a ten-mile (**tram / canyon / hike**) through the forest.
3. He always (**jumps / puts / leaps**) on his glasses before reading.
4. We rode a (**zipwire / cable / tuk-tuk**) to explore the busy streets of Bangkok.
5. They first (**sniffed / discovered / stared**) this protein about five years ago.

IV. Match

0. honest	a. always telling the truth, and never stealing or cheating
1. dilemma	b. a strap (<i>dây đeo, đai</i>) in a car or plane that you fasten around yourself to stay safe in an accident.
2. detective	c. a person who protects someone or something
3. seatbelt	d. a group of people in a place who share the same language, culture, and often have a leader called a chief
4. guardian	e. a person who investigates (<i>điều tra</i>) and solves crimes
5. tribe	f. a situation where you have to make a very hard choice between two equally (<i>cân bằng</i>) important things.

Your answers:

0 - a 1 - _____ 2 - _____ 3 - _____ 4 - _____ 5 - _____

V. Re-arrange the sentences

0. went / Australia / They / to / last year.

→ They went to Australia last year.

1. cleaned / We / morning. / the house / yesterday

→ _____

2. Paris / during their / visited / They / summer vacation.

→ _____

3. and got an A. / hard / She / studied / for her exam

→ _____

4. Mandy / every day / walked / last week. / to school

→ _____

5. my sister / last Christmas. / gave / a bear / I

→ _____

MINI TEST

I. Circle the correct answer.

0. The weather is hot and (humid / tale / coast).
1. The lion is (sword / powerful / honest) and can run very fast.
2. The man performed a (character / beast / magic) trick and made a coin disappear.
3. Brooke is very (intelligent / brave / athletic) and gets good grades in school.
4. Police are (sniffing / seeking / hiding) witnesses (*nhân chứng*) to the accident.
5. He twisted the (lid / ravine / valley) around and opened the bottle.

❖ **Lưu ý:** Với những từ con không nhớ và viết sai, con chép từ đó vào vở **1 dòng**.

II. Complete the sentences using the verbs in brackets. Use the Present Perfect.

0. I have visited (visit) Paris twice.
1. We _____ just _____ (start) our new job.
2. The team _____ (win) the championship three times.
3. _____ you ever _____ (travel) to an island?
4. They _____ recently _____ (decorate) their house.
5. My grandma _____ (not miss) any episodes (*tập phim*) yet.

Mọi ý kiến đóng góp của phụ huynh sẽ là động lực để StarLink nâng cao chất lượng đào tạo. Mời bố mẹ quét mã ở đây để thực hiện khảo sát ạ!



MINI TEST

I. Complete the sentences using the verbs in brackets. Use the Present Perfect.

0. I **have visited** (visit) Paris twice.

1. I _____ never _____ (see) such a beautiful sunset before.

2. He _____ (break) his phone again.

3. They _____ (know) each other since childhood.

4. _____ you ever _____ (try) tacos?

5. Martin _____ (not read) any books for 3 months.

II. Circle the correct answer.

0. The weather is hot and (**humid** / tale / coast).

1. They crossed the (magic / ravine / sword) by walking across the narrow bridge.

2. They encountered (chạm trán) a (beast / dilemma / setting) while exploring the forest.

3. She (hiked / stared / sniffed) and wiped her nose with a tissue.

4. They're hiding in the (bushes / guideline / kingdom) at the side of the lane.

5. She spent a (harness / loyal / peaceful) afternoon playing with her cat.

❖ **Lưu ý:** Với những từ con không nhớ và viết sai, con chép từ đó vào vở 1 dòng.

Mọi ý kiến đóng góp của phụ huynh sẽ là động lực để StarLink nâng cao chất lượng đào tạo. Mời bố mẹ quét mã ở đây để thực hiện khảo sát ạ!

